

# Cost Rate - Chi phí thực tế

**Cost Rate** là chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải trả để cung cấp một sản phẩm hoặc dịch vụ. Nó được sử dụng để theo dõi và phân tích lợi nhuận, giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn về chi phí so với giá bán (Billing Rate).

## Ý nghĩa của Cost Rate

### 1. Trong sản xuất:

- Cost Rate** phản ánh chi phí để sản xuất một đơn vị sản phẩm, bao gồm:
  - Nguyên vật liệu (Material Costs).
  - Nhân công (Labor Costs).
  - Chi phí vận hành máy móc hoặc thiết bị.
- Ví dụ: Chi phí sản xuất một chiếc áo là **100.000 VNĐ**, đây chính là **Cost Rate**.

### 2. Trong dịch vụ:

- Đối với các công ty cung cấp dịch vụ, **Cost Rate** là chi phí liên quan đến việc cung cấp dịch vụ, chẳng hạn như lương nhân viên, chi phí thiết bị, hoặc các chi phí phụ trợ khác.
- Ví dụ: Một nhân viên kỹ thuật có mức lương tính ra là **200.000 VNĐ/giờ**, đây là **Cost Rate** cho mỗi giờ làm việc của họ.

### 3. Trong dự án:

- Cost Rate** có thể được sử dụng để ước tính tổng chi phí cho các nhiệm vụ hoặc dự án, giúp doanh nghiệp đánh giá lợi nhuận.

## Ứng dụng của Cost Rate trong VHTerp

#### • Timesheet:

- Ghi nhận chi phí thực tế dựa trên số giờ làm việc và **Cost Rate** của từng nhân viên.

#### • BOM (Bill of Materials):

- Tính toán tổng chi phí nguyên vật liệu và nhân công để sản xuất một sản phẩm.

#### • Profitability Analysis(Phân tích lợi nhuận):

- So sánh **Cost Rate** với **Billing Rate** để tính toán lợi nhuận trên từng sản phẩm, dịch vụ hoặc dự án.

